

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH số 10/2005/NĐ-CP
ngày 31/01/2005 của Chính
phủ quy định về cờ truyền
thống, cờ hiệu, biểu tượng,
hải quan hiệu, phù hiệu, cấp
hiệu, trang phục, giấy chứng
minh hải quan.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6
năm 2001;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài
chính,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, giấy chứng minh hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định này là cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi chung là công chức) đang công tác trong ngành Hải quan.

Điều 3. Mục đích sử dụng

1. Cờ truyền thống của Hải quan được dùng trong các cuộc mít tinh kỷ niệm những ngày lễ, ngày truyền thống, trưng bày trong nhà truyền thống và các sinh hoạt trọng thể khác của ngành Hải quan.

2. Cờ hiệu hải quan được gắn trên các phương tiện tuần tra, kiểm soát của Hải quan.

3. Biểu tượng hải quan được dùng để gắn lên cờ hiệu, cờ truyền thống, in trên một số loại giấy tờ, biểu mẫu, phương tiện công tác chuyên dùng, vật lưu niệm và các biểu trưng khác của Hải quan hoặc một phần của biểu tượng hải quan (hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én) được gắn trên hải quan hiệu, cấp hiệu hải quan để phân biệt cấp hiệu hải quan với cấp hiệu khác.

4. Hải quan hiệu được gắn trên mũ kê pi, mũ mềm hải quan.

5. Phù hiệu hải quan là cảnh tùng đơn được đeo trên ve cổ áo trang phục hải quan, thể hiện tính thẩm mỹ và sự trang nghiêm của công chức hải quan.

6. Cấp hiệu hải quan được mang trên

vai áo trang phục hải quan để phân biệt chức vụ của lãnh đạo hải quan các cấp và ngạch của công chức chuyên môn nghiệp vụ.

7. Trang phục hải quan, gồm: áo, quần (lễ phục, xuân - hè, thu - đông), mũ kê pi, mũ mềm, cà vạt (caravat), thắt lưng, giày và các trang phục niên hạn khác (áo quần bảo hộ lao động, găng tay, tất...).

8. Giấy chứng minh hải quan là một loại giấy tờ chứng nhận về hình ảnh, tên, tuổi, chức vụ, ngạch công chức đơn vị công tác của mỗi công chức hải quan, do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan cấp, để sử dụng và xuất trình khi cần thiết trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát và kiểm soát hải quan theo quy định của pháp luật.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cờ truyền thống của Hải quan

Cờ truyền thống của Hải quan hình chữ nhật, chiều rộng 1,40m và chiều dài 2,10m. Nền vải cờ màu đỏ, ở giữa có ngôi sao năm cánh màu vàng, phía trên góc trái có hàng chữ in hoa màu vàng: “BẢO VỆ LỢI ÍCH CHỦ QUYỀN QUỐC GIA” (được xếp thành 2 dòng: dòng trên là hàng chữ “Bảo vệ”, dòng dưới là hàng chữ “Lợi ích chủ quyền quốc gia”, nét cuối

của chữ cuối cùng không vượt qua đầu cánh sao bên phải), dưới hai hàng chữ là biểu tượng của Hải quan Việt Nam.

Điều 5. Cờ hiệu hải quan

Cờ hiệu hải quan có hình tam giác cân, vải màu xanh da trời, cạnh đáy bằng $\frac{2}{3}$ chiều cao, ở giữa có hình biểu tượng hải quan, cụ thể:

- Cờ treo trên tàu tuần tra lớn có cạnh đáy 0,60m và chiều cao 0,90m;

- Cờ treo trên các phương tiện tuần tra khác như ca nô, bo bo, xe ô tô, xe mô tô 3 bánh có cạnh đáy 0,3m và chiều cao 0,45m.

Điều 6. Biểu tượng hải quan

Biểu tượng hải quan là một hình tròn, có nền màu xanh nước biển; bên trong có hình lá chắn nền màu đỏ; trong hình lá chắn phía trên có ngôi sao 5 cánh màu vàng; ở giữa có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én đều là màu vàng; phía trên có hàng chữ in hoa “HẢI QUAN VIỆT NAM” màu vàng; phía dưới có hàng chữ Hải quan Việt Nam được viết bằng tiếng Anh in hoa “VIET NAM CUSTOMS” màu vàng; bên cạnh của hình tròn ngoài có 2 cành vạn tuế màu vàng; ngoài cùng của biểu tượng có đường viền màu đỏ.

Điều 7. Hải quan hiệu

Hải quan hiệu bằng kim loại hình vành khuyên có chiều cao 60mm, chiều rộng 54 mm, phía trên có hình Quốc huy

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đường kính 28 mm. Dưới Quốc huy có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én đều là màu vàng, dưới cùng có hai chữ in hoa "HẢI QUAN" màu vàng trên nền đỏ, bao quanh hải quan hiệu là cảnh tùng màu vàng.

Điều 8. Phù hiệu hải quan

Phù hiệu hải quan là cảnh tùng đơn bằng kim loại màu vàng, đeo trên ve cổ áo trang phục xuân - hè, thu - đông và lễ phục. Riêng phù hiệu của lãnh đạo Tổng cục Hải quan có thêm 01 ngôi sao bằng kim loại màu vàng gắn ở cạnh phía trong của cảnh tùng.

Điều 9. Cấp hiệu hải quan

1. Cấp hiệu hải quan bao gồm: nền cấp hiệu, cúc cấp hiệu, sao năm cánh có vân nổi, vạch cấp hiệu; và có một phần biểu tượng hải quan gồm hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én gắn trên nền cấp hiệu, cụ thể:

a) Nền cấp hiệu làm bằng vải nỉ, màu xanh nước biển. Riêng cấp hiệu của lãnh đạo Tổng cục Hải quan có nền hoa văn màu vàng.

Kích thước của cấp hiệu: hình chữ nhật, một đầu vát nhọn cân, có kích thước rộng 48 mm, dài 120 mm, độ chênh đầu nhọn 18 mm.

b) Cúc cấp hiệu bằng kim loại màu bạc, đường kính 20 mm, có hình nổi ngôi sao

5 cánh ở giữa hai bông lúa; được gắn ở đầu nhỏ của nền cấp hiệu.

c) Một phần của biểu tượng hải quan là một hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én bằng kim loại màu vàng dùng cho cấp lãnh đạo và kim loại màu bạc dùng cho công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Vạch ngang của cấp hiệu: rộng 6 mm, bằng kim loại màu vàng dùng để phân biệt chức vụ đối với cấp lãnh đạo; kim loại màu bạc dùng để phân biệt các ngạch khác nhau của công chức chuyên môn, nghiệp vụ.

đ) Sao trên nền cấp hiệu: sao bằng kim loại màu vàng, vân nổi, kích thước 18 mm. Sao được gắn thành một hàng thẳng dọc ở giữa cấp hiệu, sao thể hiện chức vụ lãnh đạo hải quan các cấp (Tổng cục, Cục, Chi cục, Đội thuộc Chi cục và các chức vụ tương đương); cấp trưởng 02 sao, cấp phó 01 sao. Riêng cấp hiệu của công chức chuyên môn, nghiệp vụ không có sao.

2. Quy định cấp hiệu cho từng cấp

a) Lãnh đạo Tổng cục Hải quan: nền cấp hiệu màu vàng cam, có dệt nổi hoa văn màu vàng, hai cạnh đầu nhỏ và hai cạnh dọc cấp hiệu viền màu đỏ, đường viền rộng 03 mm; đầu to cấp hiệu có 03 vạch ngang màu vàng, phía trên có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu vàng; giữa nền cấp hiệu có gắn sao màu vàng, gồm:

- Cấp hiệu của Tổng cục trưởng: 2 sao màu vàng;

- Cấp hiệu của Phó Tổng cục trưởng: 1 sao màu vàng.

b) Lãnh đạo Cục, Vụ và các chức vụ tương đương: nền cấp hiệu màu xanh nước biển; đầu to cấp hiệu có 3 vạch ngang màu vàng; phía trên có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu vàng; ở giữa có sao màu vàng, gồm:

- Cấp hiệu của cấp Trưởng: 2 sao màu vàng;

- Cấp hiệu của cấp Phó: 1 sao màu vàng.

c) Lãnh đạo Chi cục, Đội kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: nền cấp hiệu màu xanh nước biển; đầu to cấp hiệu có 02 vạch ngang màu vàng; phía trên có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu vàng; giữa nền cấp hiệu có sao màu vàng, gồm:

- Cấp hiệu của cấp Trưởng: 2 sao màu vàng;

- Cấp hiệu của cấp Phó: 1 sao màu vàng.

d) Lãnh đạo cấp Đội thuộc Chi cục, cấp Tổ thuộc Đội Kiểm soát hải quan và các chức vụ tương đương: nền cấp hiệu màu xanh nước biển, đầu to cấp hiệu có 1 vạch ngang màu vàng, phía trên có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu

vàng; giữa nền cấp hiệu có gắn sao màu vàng, gồm:

- Cấp hiệu của cấp Trưởng: 2 sao màu vàng;

- Cấp hiệu của cấp Phó: 1 sao màu vàng.

đ) Công chức chuyên môn, nghiệp vụ: nền cấp hiệu màu xanh nước biển, đầu to cấp hiệu gắn các vạch “ngang” và vạch chữ “vê” nằm ngang (>) màu bạc thể hiện ngạch công chức hải quan; giữa cấp hiệu có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én bằng kim loại màu trắng; cụ thể về vạch của mỗi ngạch là:

- Ngạch kiểm tra viên cao cấp hải quan và tương đương: 3 vạch ngang bằng kim loại màu bạc (III).

- Ngạch kiểm tra viên chính hải quan và tương đương: 2 vạch ngang bằng kim loại màu bạc (II).

- Ngạch kiểm tra viên hải quan và tương đương: 1 vạch ngang bằng kim loại màu bạc (I).

- Ngạch kiểm tra viên trung cấp hải quan và tương đương: 2 vạch chữ “vê” nằm ngang bằng kim loại màu bạc (>>).

- Ngạch nhân viên hải quan và tương đương: 1 vạch chữ “vê” nằm ngang bằng kim loại màu bạc (>).

Điều 10. Trang phục hải quan

1. Áo quần lễ phục

a) Áo mùa đông: màu ghi hồng, có vải lót trong, ve nhọn, cổ thụt. Thân sau có cầu vai, cầu vai có 2 đĩa. Ngực có 4 cúc to (đường kính 22 mm) bằng kim loại màu vàng nhạt có hình nổi lá chắn ở giữa, bên trong lá chắn có hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én. Sống lưng áo sau có xẻ.

- Áo nam: hai thân trước có 4 túi, nắp (hình cánh dơi) nổi ngoài.

- Áo nữ: hai thân trước có 2 túi dưới, nắp (hình cánh dơi) nổi ngoài. Cúc các túi kiểu như cúc ngực, cúc túi trên đường kính 16 mm, cúc túi dưới đường kính 22 mm.

b) Áo mùa hè: màu và kiểu dáng tương tự như áo mùa đông, nhưng khác áo mùa đông là kiểu áo cộc tay và không có vải lót trong.

c) Quần: màu ghi hồng may kiểu âu phục, dùng chung cả lễ phục mùa đông, mùa hè.

2. Áo quần xuân - hè

a) Quần xuân - hè

- Quần màu xanh đen may kiểu âu phục cho cả nam và nữ.

- Nữ giới: may Jíp (juyp) màu xanh đen, dài quá gối và xẻ thân sau.

b) Áo xuân - hè

- Áo nam: may kiểu bờ lu đông (blouson), cổ bẻ, màu xanh da trời, cộc tay, cài khuy, ngực có 2 túi nổi ngoài có nắp hình cánh dơi, giữa túi có đường gân nổi, một hàng khuy cúc nhựa màu trắng. Thân sau có cầu vai, cầu vai có 2 đĩa. Đai áo có dựng méch (mex), xẻ sườn cài 2 cúc.

- Áo nữ: may kiểu sơ mi chiết ly, cổ bẻ, màu xanh da trời, cộc tay; hai thân trước có 2 túi dưới; một hàng khuy cúc nhựa màu trắng; may bật vai đeo cấp hiệu; thân sau sống lưng chập; cửa tay may lật ra ngoài.

3. Áo quần thu - đông: cùng kiểu, cùng màu và dùng chung cho các lực lượng hải quan, cụ thể:

a) Áo thu - đông màu xanh đen, gồm:

- Áo nam giống như áo lễ phục; phần khác áo lễ phục gồm: đầu cổ, đầu ve làm bằng nhau; hai thân trước có 4 túi, nắp (hình cánh dơi) nổi ngoài.

- Áo nữ may kiểu áo vét (vest), cầu vai có đĩa để đeo cấp hiệu.

b) Quần thu - đông kiểu âu phục màu xanh đen dùng cho cả nam và nữ.

4. Áo mặc trong lễ phục và thu - đông gồm: áo sơ mi màu trắng, dài tay, cổ đứng để thắt cà ra vát (caravat) dùng cho cả nam và nữ.

5. Mũ.

a) Mũ kê pi có thành, đỉnh và cầu mũ

được may cùng một loại vải; có đai bằng sợi kim tuyến màu vàng đặt ở phía trước trên lưỡi trai màu đen bóng; quai mũ màu đen. Có 02 loại mũ kê pi, gồm:

- Mũ kê pi màu xanh đen, chính giữa thành mũ phía trên lưỡi trai có thêu hàng chữ in hoa “HẢI QUAN VIỆT NAM” màu vàng, cao 8 mm, dùng cho trang phục xuân - hè và thu - đông.

- Mũ kê pi màu ghi hồng, kích thước, kiểu dáng tương tự như mũ kê pi màu xanh đen dùng cho lễ phục hải quan.

b) Mũ mềm: kiểu mũ mềm của bộ đội hải quân, màu xanh đen, có lưỡi trai, phía trên thêu hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu vàng, bên dưới thêu hàng chữ “HẢI QUAN VIỆT NAM” màu bạc.

c) Mũ bông kiểu mũ bông của bộ đội biên phòng, phía trên thêu hình lồng chìa khóa, mỏ neo và cánh én màu vàng, bên dưới thêu hàng chữ “HẢI QUAN VIỆT NAM” màu bạc.

6. Ca ra vát (caravat) màu xanh đen, trên góc trái phía đầu to của ca ra vát có in biểu tượng hải quan, dùng cho cả trang phục thu - đông và lễ phục.

7. Giấy.

- Giấy da màu đen, thấp cổ, có dây buộc dùng chung cho tất cả công chức và dùng trong xuân - hè, thu - đông và lễ phục.

- Riêng lực lượng kiểm soát chống buôn lậu được trang bị giấy vải cao cổ đặc chủng (chống thấm nước, chịu được nhiệt và chống được vật nhọn).

8. Áo mưa.

- Áo mưa màu tím than. Riêng lực lượng tuần tra, kiểm soát trên bộ và trên biển được trang bị thêm 01 bộ quần áo mưa bằng vải vi ni lông (vinilon) không thấm nước; có in biểu tượng hải quan ở phía ngoài cánh tay trái của áo.

9. Trang phục chống rét, gồm:

- Áo bông màu xanh đen có in biểu tượng hải quan ở phía ngoài cánh tay trái của áo.

- Áo len dài tay màu ghi, cổ hình trái tim, có thêu biểu tượng hải quan ở phía ngoài cánh tay trái của áo.

10. Trang phục niên hạn khác, gồm: thắt lưng, găng tay trắng dùng trong các dịp lễ, tết, hội nghị lớn; găng tay màu ghi dùng cho lực lượng tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, giám sát vào mùa đông, ủng và quần áo bảo hộ lao động dùng cho lực lượng kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

11. Tiêu chuẩn cụ thể về từng loại trang phục để cấp phát cho công chức hải quan hàng năm do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Điều 11. Giấy chứng minh hải quan

1. Giấy chứng minh hải quan được cấp cho công chức hải quan như quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định này.

2. Giấy chứng minh hải quan hình chữ nhật, dài 88 mm, rộng 65 mm. Hai mặt của giấy chứng minh hải quan được quy định như sau:

- Mặt trước: nền màu đỏ, có viền màu vàng xung quanh cách mép ngoài 4 mm; phía trên có hàng chữ in hoa màu vàng: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM". Chính giữa có in biểu tượng, chiều cao 25 mm, chiều rộng 25 mm. Phía dưới in chữ hoa màu vàng: "GIẤY CHỨNG MINH HẢI QUAN".

- Mặt sau: màu vàng nhạt, in hoa văn, ở chính giữa in chìm hình lồng chìa khóa, mỏ neo, cánh én màu trắng.

- Bên trái từ trên xuống là hình biểu tượng hải quan, chiều cao 15 mm, chiều rộng 15 mm; ảnh của người được cấp giấy chứng minh hải quan cỡ 3 x 4 cm, mặc trang phục hải quan; dưới ảnh có số chứng minh hải quan là số hiệu công chức hải quan.

- Bên phải từ trên xuống chữ in hoa: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"; hàng dưới: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc"; riêng chữ in hoa "GIẤY CHỨNG MINH" được in hoa màu đỏ; họ và tên, năm sinh, chức vụ, đơn vị; ngày, tháng, năm cấp giấy chứng minh; chức danh người cấp giấy chứng minh ký tên và đóng dấu.

Điều 12. Nghiêm cấm các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và sử dụng cờ hiệu hải quan, biểu tượng hải quan, hải quan hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, trang phục và giấy chứng minh hải quan trái với quy định của Nghị định này.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 18/2000/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ quy định về hải quan hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biểu tượng, cờ truyền thống, cờ hiệu và trang phục của Hải quan Việt Nam.

Điều 14. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 15. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

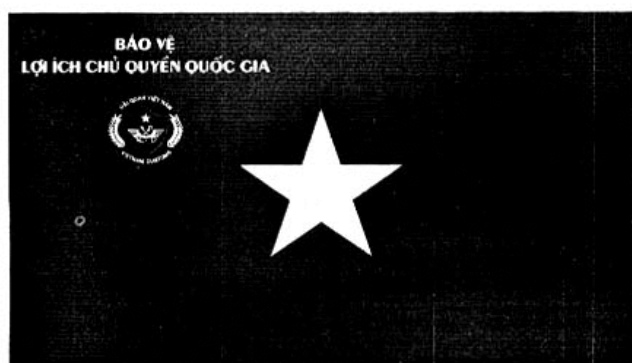
TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

CỜ TRUYỀN THỐNG, CỜ HIỆU, BIỂU TƯỢNG, PHÙ HIỆU, GIẤY CHỨNG MINH HẢI QUAN

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31
tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).



CỜ TRUYỀN THỐNG



BIỂU TƯỢNG



CỜ HIỆU



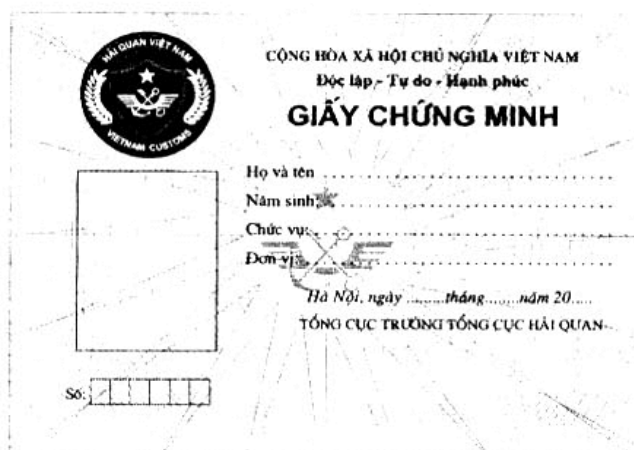
MẶT TRƯỚC



PHÙ HIỆU LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC



PHÙ HIỆU CÔNG CHỨC

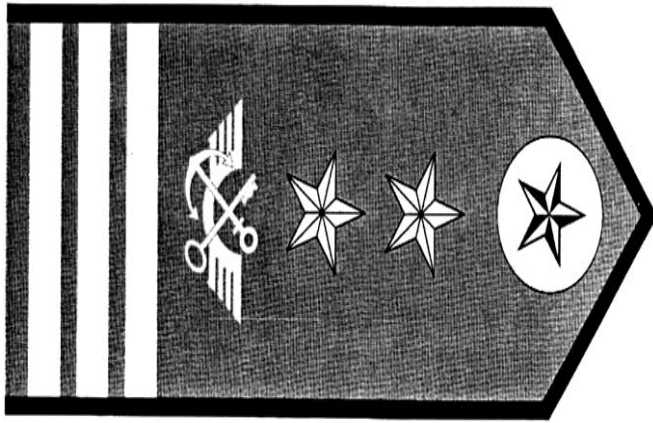


MẶT SAU

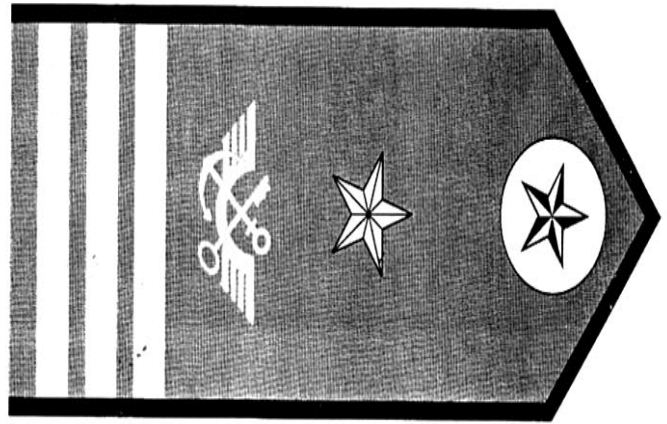
CẤP HIỆU CỦA LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC HẢI QUAN, CẤP VỤ, CỤC VÀ TƯỚNG ĐƯƠNG
(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

Số 9 - 14 - 02 - 2005

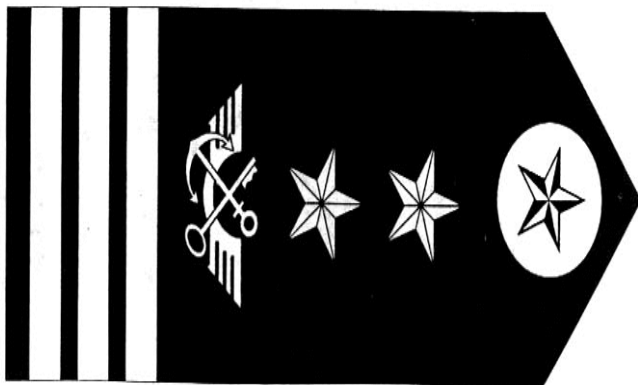
CÔNG BÁO



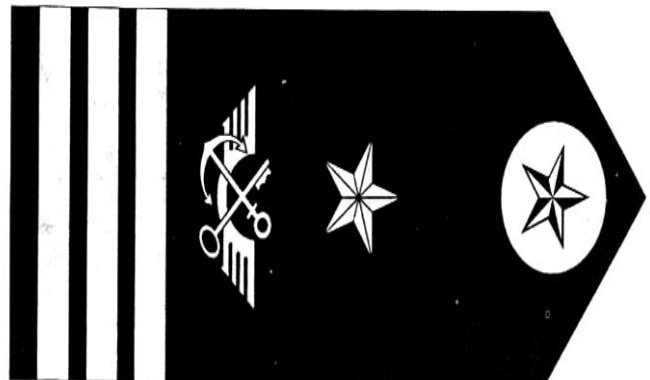
TỔNG CỤC TRƯỞNG



PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

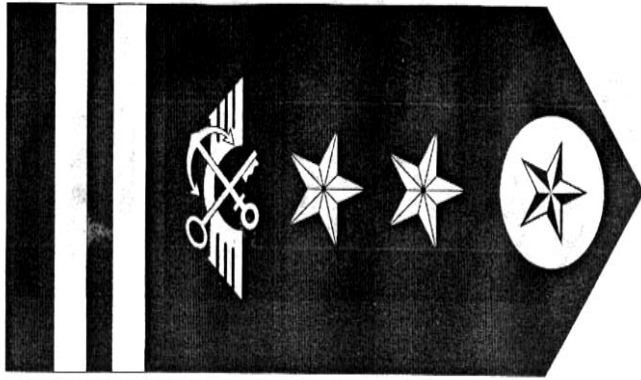


VỤ, CỤC TRƯỞNG

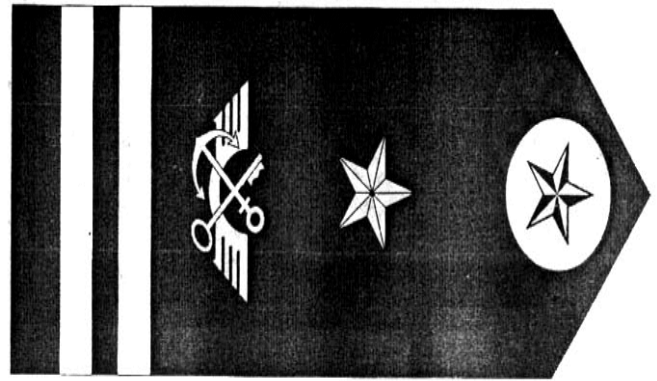


PHÓ VỤ, CỤC TRƯỞNG

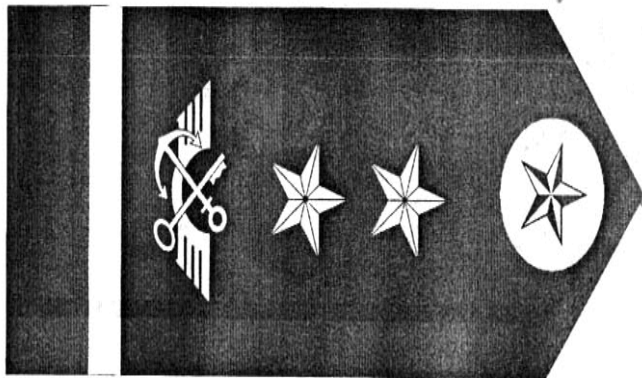
CẤP HIỆU CỦA LÃNH ĐẠO CẤP CHI CỤC, CẤP ĐỘI (TỔ), VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG
(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ -CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).



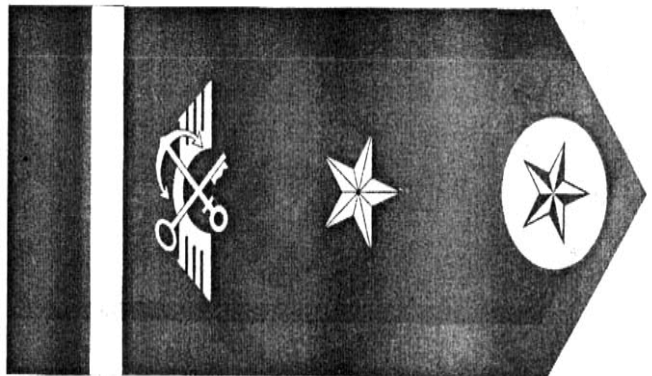
CHI CỤC TRƯỞNG



PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



ĐỘI TRƯỞNG



PHÓ ĐỘI TRƯỞNG

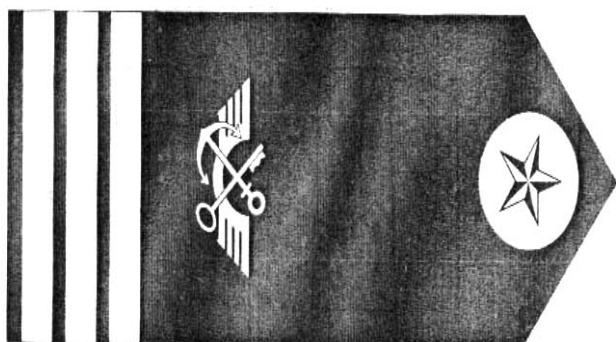
CẤP HIỆU CỦA CÔNG CHỨC CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

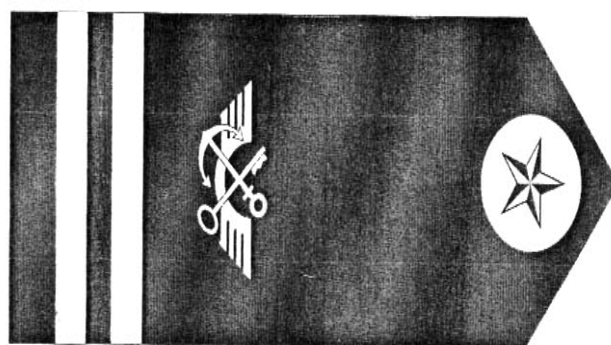
Số 9 - 14 - 02 - 2005

CÔNG BÁO

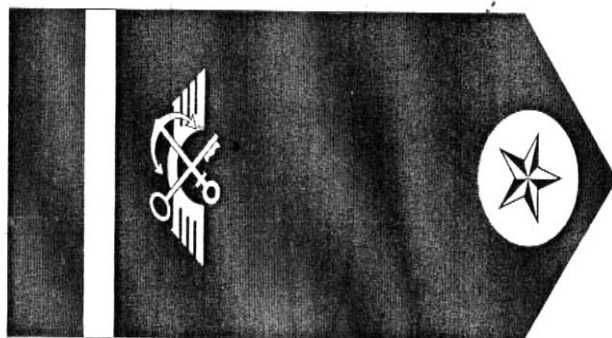
13



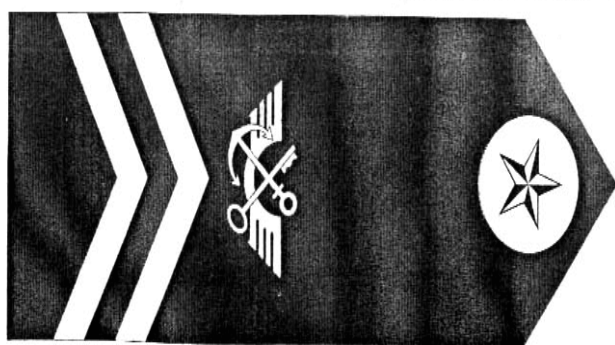
KIỂM TRA VIÊN CAO CẤP HẢI QUAN



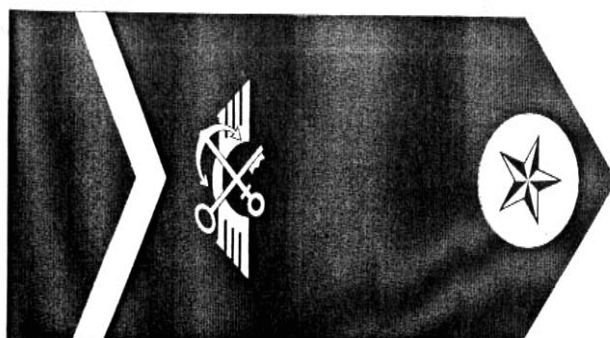
KIỂM TRA VIÊN CHÍNH HẢI QUAN



KIỂM TRA VIÊN HẢI QUAN



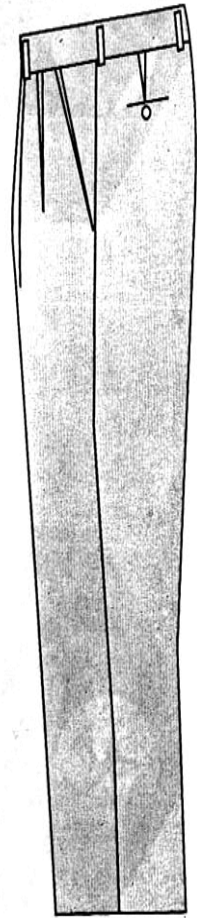
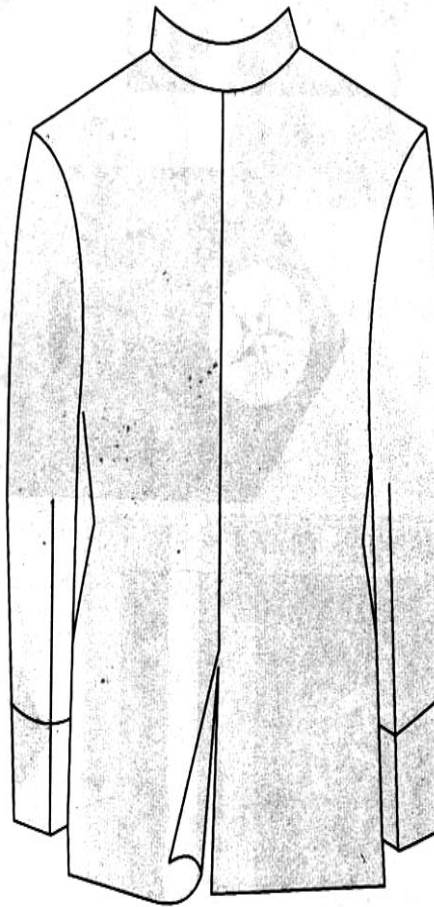
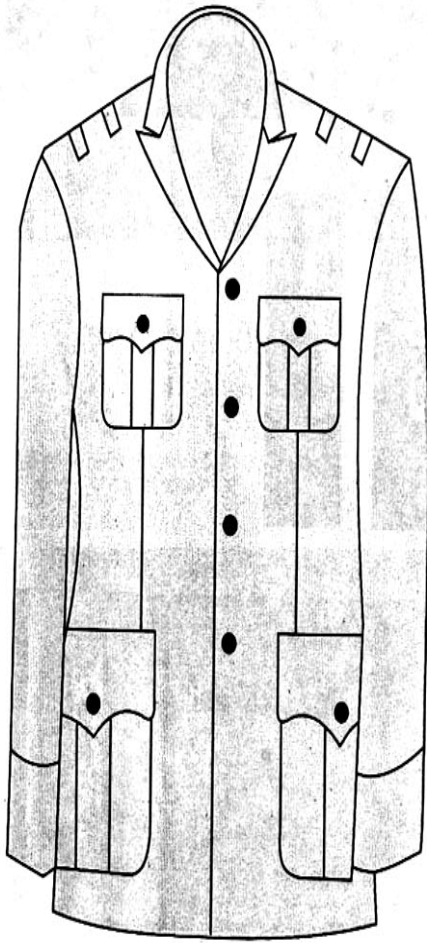
KIỂM TRA VIÊN TRUNG CẤP HẢI QUAN



NHÂN VIÊN HẢI QUAN

TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

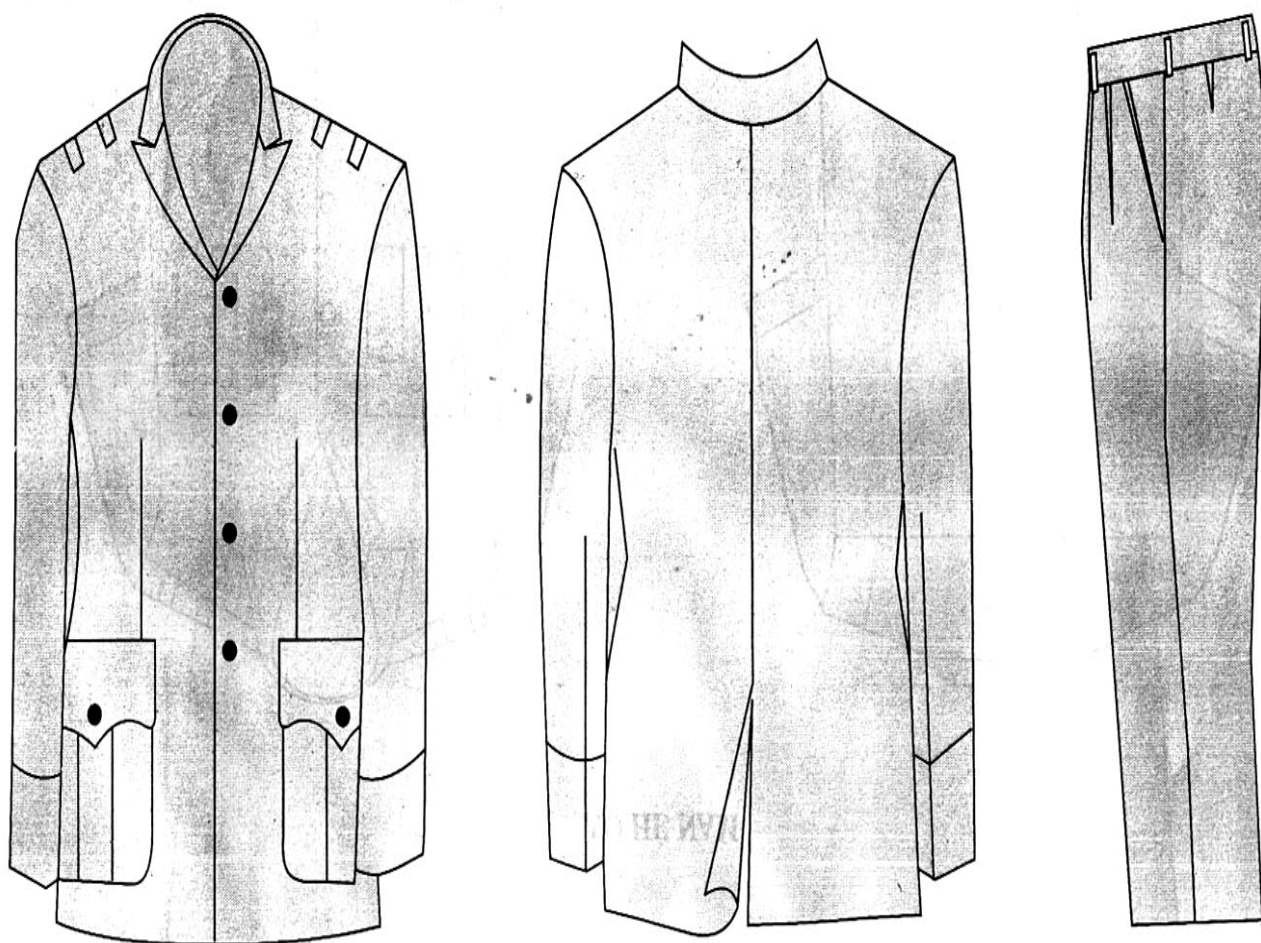
(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).



LỄ PHỤC NAM

TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

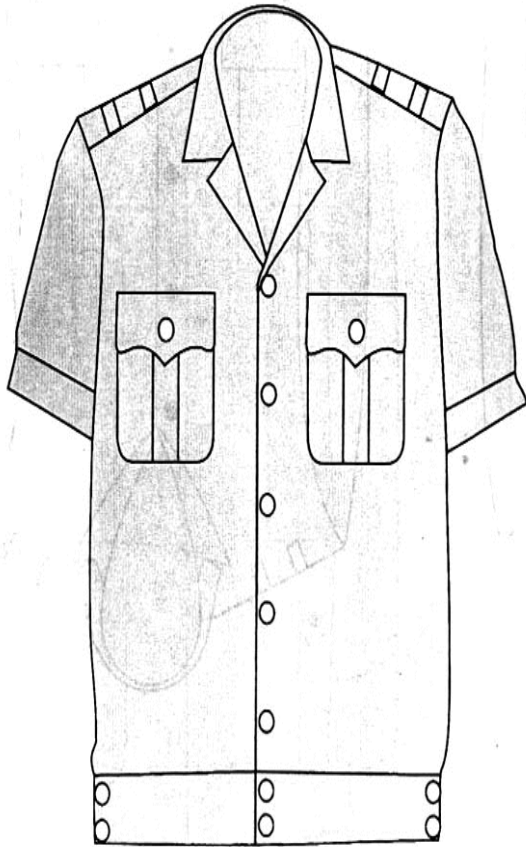


LỄ PHỤC NỮ

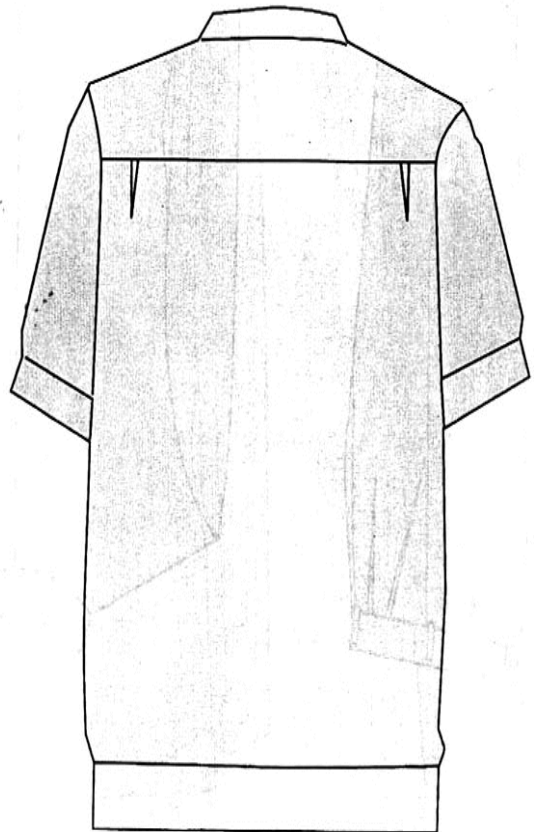
TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

ÁO HÈ NAM



THÂN TRƯỚC

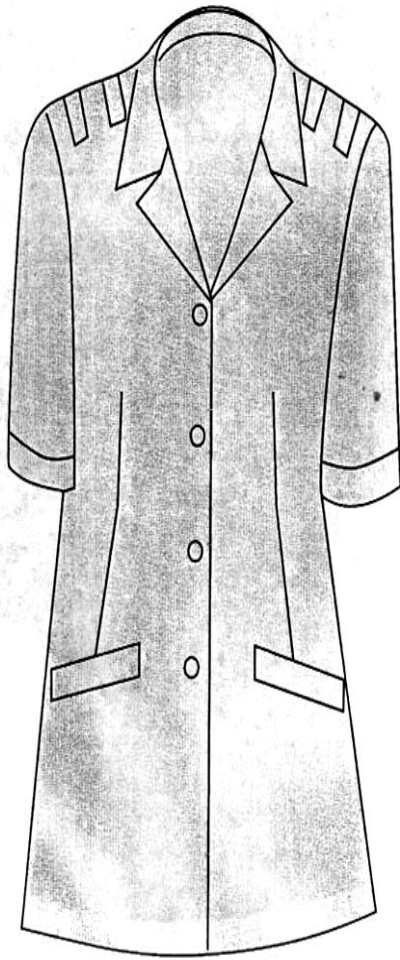


THÂN SAU

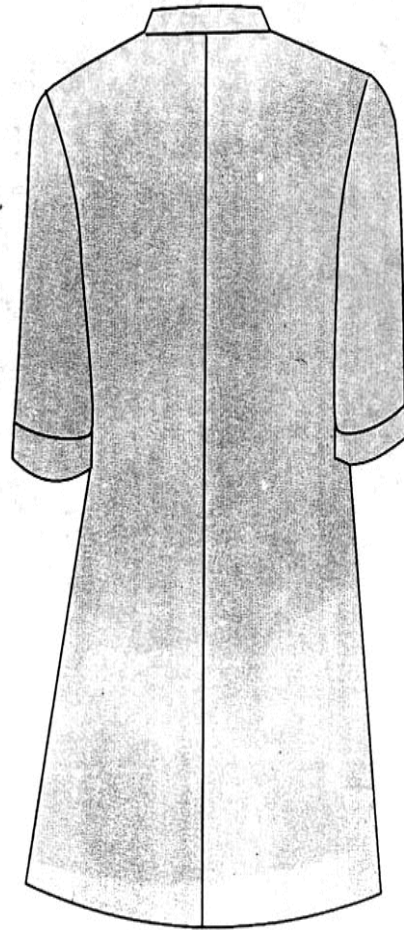
TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

ÁO XUÂN - HÈ NỮ NGẮN TAY



THÂN TRƯỚC

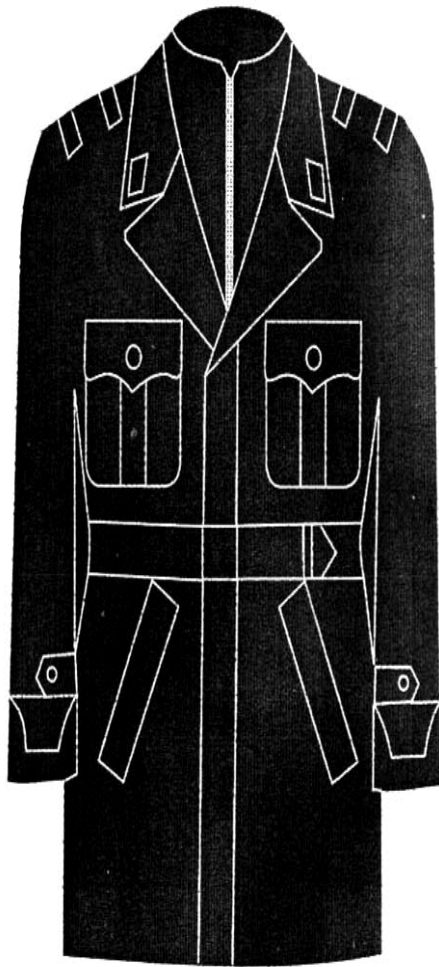


THÂN SAU

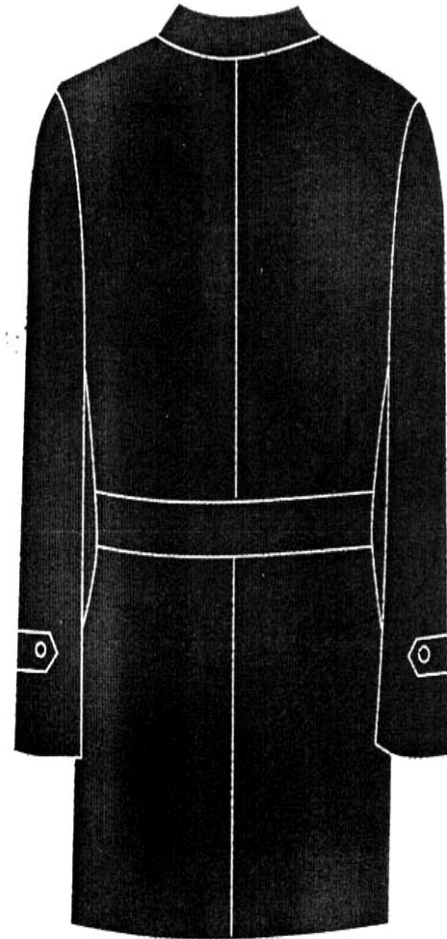
TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

ÁO BÔNG

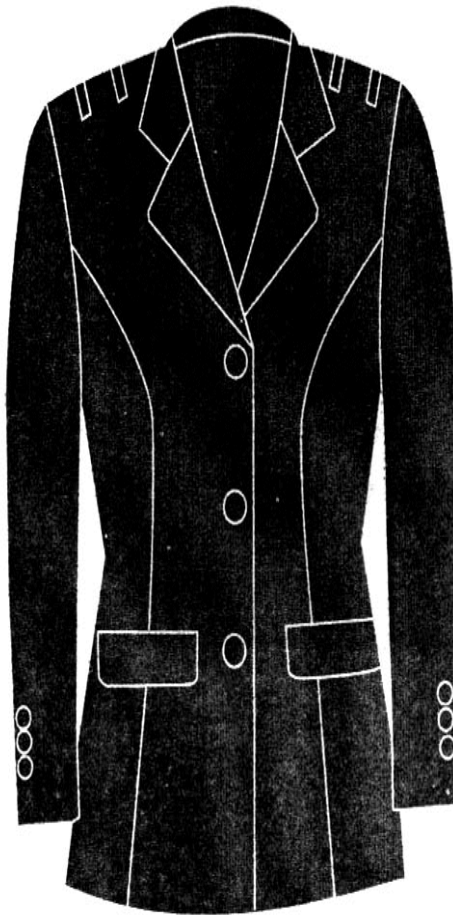


THÂN TRƯỚC

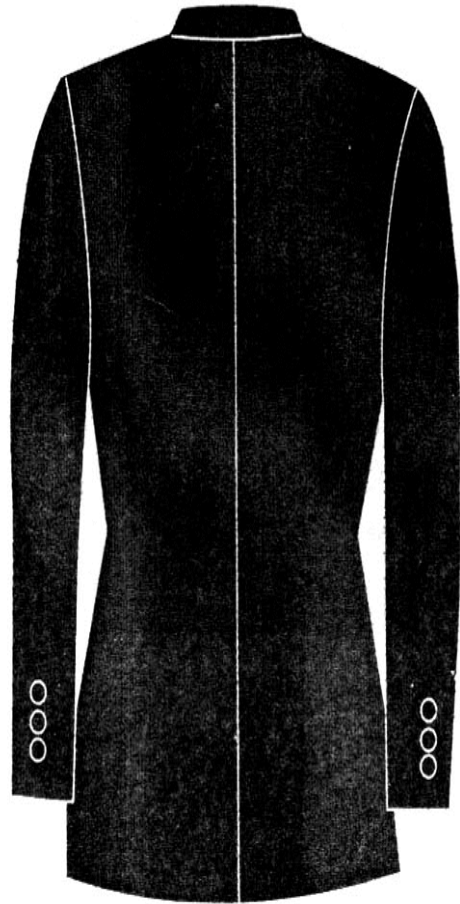


THÂN SAU

ÁO VEST NỮ



THÂN TRƯỚC

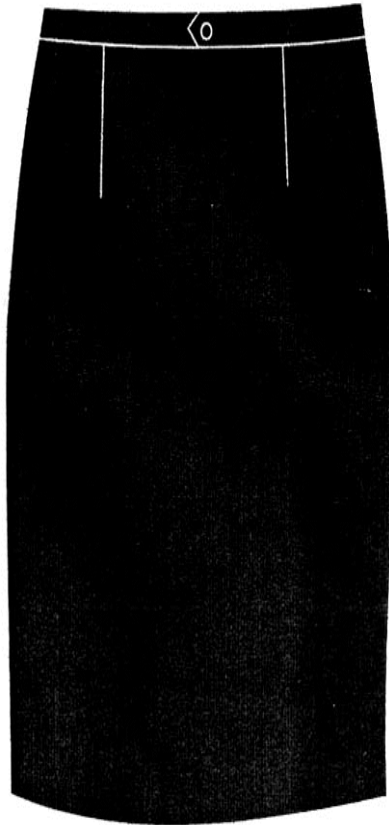


THÂN SAU

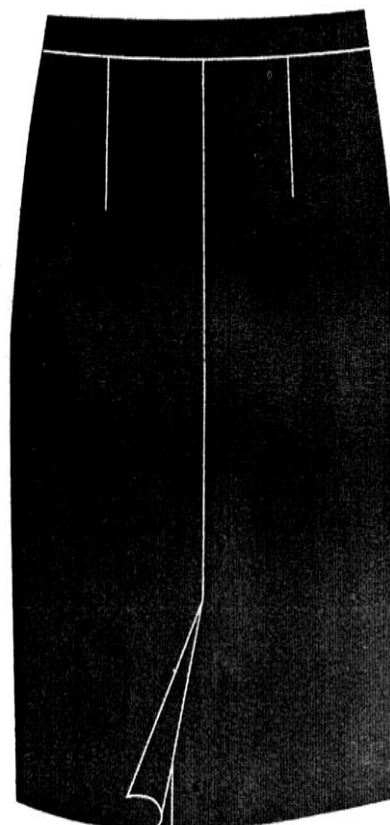
TRANG PHỤC HẢI QUAN VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ).

JUYP NỮ



THÂN TRƯỚC



THÂN SAU